



BIỂN ĐÔNG: DẦU MỎ, NHỮNG YÊU SÁCH TRÊN BIỂN, VÀ CẠNH TRANH CHIẾN LƯỢC MỸ – TRUNG

Nguồn: Leszek Buszynski (2012). “The South China Sea: Oil, Maritime Claims, and U.S.–China Strategic Rivalry”, *The Washington Quarterly*, 35:2, 139-156.

Biên dịch: Nguyễn Thị Thanh Dung | **Hiệu đính:** Lê Hồng Hiệp

Nguy cơ xung đột leo thang từ những sự kiện tương đối nhỏ đã tăng lên tại Biển Đông trong hơn hai năm qua với những cuộc tranh chấp bây giờ ít có cơ hội hơn để đàm phán hoặc giải quyết. Về nguồn gốc, những tranh chấp này nảy sinh từ sau Thế chiến thứ hai khi những quốc gia ven biển – Trung Quốc và 3 nước trong Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), gồm Indonesia, Malaysia và Philipines, cũng như Việt Nam sau này – tranh giành để chiếm giữ những hòn đảo ở đó [Chi tiết này không chính xác – NHH]. Nếu vấn đề này chỉ đơn thuần là về tranh chấp lãnh thổ, thì nó có thể đã được giải quyết thông qua những nỗ lực của Trung Quốc nhằm xích lại gần ASEAN và thắt chặt quan hệ với khu vực này.

Khoảng những năm 1990, việc tiếp cận các mỏ dầu và khí cũng như nguồn cá và tài nguyên biển đã bắt đầu làm phức tạp hóa các yêu sách. Vì nhu cầu năng lượng toàn cầu tăng lên, các bên yêu sách đề ra những kế hoạch khai thác các mỏ hydrocarbon của Biển Đông, khiến cho tranh chấp tiếp bước một cách không có gì bất ngờ, đặc biệt là giữa Trung Quốc và Việt Nam. Tuy nhiên, những tranh chấp năng lượng này không nhất thiết phải dẫn đến xung đột, vì chúng đã và có thể tiếp tục sẽ được quản lý thông qua cơ chế phát triển chung hoặc đa phương, điều đã có nhiều tiền lệ khác nhau mặc dù không trường hợp nào phức tạp như Biển Đông.

Tuy nhiên, hiện tại, vấn đề đã không còn chỉ là những yêu sách chủ quyền và việc tiếp cận nguồn tài nguyên năng lượng, vì Biển Đông đã trở thành trọng tâm của cuộc cạnh tranh Mỹ – Trung tại Tây Thái Bình Dương. Kể từ năm 2010, Biển Đông đã bắt đầu trở nên liên quan tới những vấn đề chiến lược rộng lớn hơn liên quan đến chiến lược hải quân của Trung Quốc và sự hiện diện của Hoa Kỳ tại khu vực. Điều này làm cho cuộc tranh chấp trở

nên nguy hiểm và là lý do gây quan ngại, đặc biệt khi Hoa Kỳ đã tái khẳng định lợi ích của mình tại Châu Á Thái Bình Dương và củng cố quan hệ an ninh với các bên yếu sách thuộc ASEAN trong cuộc tranh chấp.

Nguồn gốc tranh chấp về lãnh thổ

Trung Quốc và Việt Nam đòi hỏi chủ quyền toàn bộ khu vực Biển Đông và các đảo ở đó trong khi Malaysia, Philippines, Indonesia và Brunei tuyên bố yêu sách đối với các khu vực tiếp giáp. Có hai nguyên tắc chi phối các yêu sách, mà cả hai đều chống lại yêu sách đòi chủ quyền toàn bộ vùng biển của Trung Quốc. Nguyên tắc thứ nhất là “chiếm hữu thực sự”, một tiền lệ đã được thiết lập bởi Tòa Trọng tài Vĩnh viễn trong vụ đảo Palmas tháng 4 năm 1928.¹ “Chiếm hữu thực sự” bao gồm khả năng và ý định sử dụng quyền tài phán liên tục và không bị gián đoạn, điều khác với xâm lược. Mặc dù Trung Quốc đã chiếm quần đảo Hoàng Sa, một quần đảo bao gồm khoảng 30 đảo/ đá cách đều bờ biển Trung Quốc và Việt Nam, nhưng nguyên tắc “chiếm hữu thực sự” đã chống lại Trung Quốc trong trường hợp quần đảo Trường Sa, một quần đảo nằm ngoài khơi Philippines và Malaysia, nơi mà ngoài trừ 9 bãi đá đã bị Trung Quốc chiếm từ năm 1988 đến năm 1992, những đảo/đá còn lại đều do các nước ASEAN có yêu sách chiếm giữ.

Nguyên tắc thứ hai là Công ước Liên Hợp Quốc về Luật Biển (UNCLOS), đặt ra những quy tắc xác định rằng các yêu sách đối với nguồn tài nguyên phải dựa trên cơ sở vùng đặc quyền kinh tế (EEZ) và thềm lục địa (EEZ là một vùng biển trải dài tới 320 km tính từ đường bờ biển, là cơ sở cho những đòi hỏi của các quốc gia ven biển với nguồn tài nguyên ở đó). UNCLOS không ủng hộ những yêu sách vượt ra ngoài phạm vi EEZ hoặc các thềm lục địa đã được công bố. Tuy nhiên, yêu sách của Trung Quốc vượt ra xa khỏi phạm vi EEZ của họ và chồng lấn với những yêu sách hợp pháp của các nước ASEAN.

Những yêu sách của Trung Quốc dựa trên lịch sử, nhưng những yêu sách như vậy không có nhiều giá trị trong luật quốc tế, cái mà theo quan điểm của Trung Quốc đã hạ thấp (lý do) di sản tổ tiên để lại của họ và là nguồn gốc cho sự bất mãn của nước này. Quan điểm của Trung Quốc là yêu sách của nước này có trước UNCLOS (được thông qua vào năm 1982 và có hiệu lực vào năm 1994 sau khi quốc gia thứ 60 phê chuẩn), và rằng Công ước này cần được điều chỉnh để phù hợp với các quyền lịch sử. Để khẳng định những yêu sách mà trong tình huống này sự phức tạp của luật quốc tế có thể không ủng hộ họ, người Trung Quốc đã dùng đến áp lực ngoại giao thường trực để luật quốc tế phải được thay đổi hoặc để đạt được một ngoại lệ đặc biệt, theo đó những yêu sách từ các thế hệ trước của họ sẽ được tất cả các bên công nhận.

Dầu mỏ, năng lượng, và nghề cá

Nếu chỉ là một tranh chấp chủ quyền đơn thuần, Biển Đông có thể sẽ đã tiếp tục bé tắc như vậy mà không nhiệt thiết phải giải quyết ngay. Tuy nhiên, sự tồn tại của nguồn dự trữ năng

lượng trong khu vực đã ngăn chặn giải pháp này. Với nhu cầu năng lượng toàn cầu đang tăng lên, những nước tiêu thụ lớn như Trung Quốc đang tìm kiếm những nguồn năng lượng mới để thỏa mãn nền kinh tế đang mở rộng của họ. Năm 2009, Trung Quốc trở thành nước tiêu thụ dầu mỏ lớn thứ hai sau Hoa Kỳ, và sức tiêu thụ của họ có thể tăng gấp đôi vào năm 2030, biến nước này thành nước tiêu thụ dầu mỏ lớn nhất thế giới. Năm 2010, Trung Quốc đã nhập khẩu 52% lượng dầu tiêu thụ của mình từ Trung Đông, và Saudi Arabia cùng Angola cộng lại chiếm đến 66% lượng dầu nhập khẩu của nước này. Trung Quốc đã và đang đa dạng hóa nguồn cung năng lượng của mình để giảm phụ thuộc vào dầu nhập khẩu và đã tìm cách gia tăng sản lượng ngoài khơi xung quanh lưu vực sông Châu Giang và Biển Đông.²

Các yêu sách năng lượng đối kháng

Việt Nam là quốc gia sản xuất dầu mỏ lớn trong khu vực, với công ty dầu khí quốc doanh PetroVietnam năm 2010 sản xuất được 24,4 triệu tấn dầu từ ba mỏ ở Biển Đông, tương đương với 26% tổng GDP của Việt Nam.³ Với việc sản lượng ở các mỏ đã xây dựng đang suy giảm, PetroVietnam đã ký 60 hợp đồng thăm dò và khai thác dầu khí với các công ty nước ngoài khác nhau nhằm khai thác các mỏ mới. Tuy nhiên, các mỏ mới được cho là sẽ không đủ bù đắp cho số sản lượng sụt giảm của các mỏ cũ.⁴ Khi Việt Nam cố gắng khai thác các mỏ mới, có khả năng sẽ xảy ra xung đột mới với Trung Quốc, nước đã kiên quyết phản đối nỗ lực của Việt Nam nhằm ký hợp đồng khai thác với các công ty dầu quốc tế trên Biển Đông.

Trung Quốc cáo buộc các nước ASEAN có yêu sách đã xâm phạm vào vùng biển của họ và cho rằng Trung Quốc có quyền thực thi các yêu sách chống lại các nước này. Chẳng hạn vào ngày 26 tháng 5 năm 2011, hai tàu hải giám của Trung Quốc đã cắt cáp thăm dò dầu khí của một tàu khảo sát đang hoạt động trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam, cách bờ biển phía nam Việt Nam khoảng 120 km. Bộ Ngoại giao Việt Nam đã công bố những đoạn video cho thấy một con tàu Trung Quốc quả thật đã cắt đứt cáp nối với tàu Việt Nam mang tên *Bình Minh*.⁵ Jiang Yu, phát ngôn viên Bộ ngoại giao Trung Quốc tuyên bố rằng tàu Trung Quốc đang tham gia “các hoạt động giám sát và chấp pháp trên biển hoàn toàn bình thường trong khu vực thuộc quyền tài phán của Trung Quốc”.⁶ Vào ngày 9 tháng 6, một tàu cá Trung Quốc cũng đã đâm ngang cáp khảo sát của một con tàu khảo sát khác của Việt Nam.

Philippines cũng đã có nhiều vấn đề với Trung Quốc. Manila đã nỗ lực để nâng cao khả năng tự cung tự cấp dầu của mình, và đặt mục tiêu (tự cung) 60% vào cuối năm 2011, điều mà họ có khả năng không đạt được. Nước này dự tính chào thầu 15 hợp đồng trong những năm tới cho việc thăm dò vùng biển ngoài khơi đảo Palawan, trong một khu vực bị yêu sách bởi Trung Quốc.⁷ Năm 2011, Philippines đã báo cáo 7 sự cố liên quan đến sự quấy rối của Trung Quốc. Trong một trường hợp, vào ngày 2 tháng 3, hai tàu tuần tra của Trung

Quốc đã quấy rối một tàu thăm dò dầu khí trong khu vực mà Philippines yêu sách nằm cách bờ biển Palawan 250 km về phía tây. Hai con tàu này chỉ rời khỏi khu vực sau khi lực lượng không quân Philippines được điều động. Ngày 5 tháng 4, Manila đã phản đối chính thức lên Liên Hợp Quốc và tìm kiếm sự ủng hộ từ ASEAN nhằm đạt được lập trường chung về vấn đề này.⁸ Người Trung Quốc đã phản ứng lại vài ngày sau đó, chính thức tố cáo Philippines “xâm lược” vùng biển của họ.⁹ Sau khi Trung Quốc triển khai tàu tuần tra 3000 tấn Haixun-31 được trang bị một trục thẳng đến khu vực này, thì vào tháng 6, Philippines đã phái một tàu hải quân loại cũ từ thời Thế chiến thứ hai, tàu *Rajah Humabon*, đến vùng biển yêu sách của họ.¹⁰ Chiếc tàu này đã di dời hết các cột mốc được người Trung Quốc dựng lên trên các bãi đá khác nhau thuộc vùng biển yêu sách bởi Philippines.¹¹ Cũng trong tháng 6, văn phòng tổng thống Philippines cũng tuyên bố đổi tên “Biển Nam Trung Hoa” (Biển Đông) thành “Biển Tây Philippines”, và công bố một chương trình nâng cấp hải quân, điều sẽ giúp nâng cao sự hiện diện hải quân đang hạn chế của họ tại khu vực.¹²

Bất chấp phản đối từ phía Trung Quốc, cả Việt Nam và Philippines đều có kế hoạch xúc tiến các dự án thăm dò khí đốt hợp tác với các công ty nước ngoài. PetroVietnam sẽ hợp tác cùng Talisman Energy và sẽ bắt đầu khoan tại một khu vực mà Trung Quốc năm 1992 đã giao cho công ty Crestone, một công ty hiện được điều hành bởi Harvest Natural Resources. ExxonMobil cũng lên kế hoạch khoan thăm dò ngoài khơi Việt Nam, trong khi Philippines dự định khoan tại khu vực nơi mà các tàu Trung Quốc đã quấy rối tàu khảo sát của họ hồi tháng 3 năm 2011.¹³

Trong lúc đó, Ấn Độ cũng đã trở nên liên quan với tư cách một tác nhân bên ngoài, càng làm tình hình phức tạp hơn. Trung Quốc có thể có ảnh hưởng với các bên yêu sách ASEAN nhờ quy mô và sự gần gũi về vị trí địa lý của họ với các nước ASEAN, nhưng Ấn Độ lại có một vị thế và sức mạnh đủ để đối kháng với Trung Quốc. Hơn nữa, Ấn Độ vẫn đang chất chứa sự khó chịu riêng với Trung Quốc vì sự ủng hộ của Trung Quốc dành cho Pakistan và các yêu sách của Trung Quốc đối với biên giới chung của hai nước. Những điều này khiến Trung Quốc sẽ gặp nhiều khó khăn hơn khi đối phó với Ấn Độ. Quan hệ của Ấn Độ với Việt Nam bắt đầu từ thời của Indira Gandhi, khi chính phủ Gandhi đã công nhận chính phủ do Việt Nam hậu thuẫn tại Campuchia vào năm 1984. Nhiều người Ấn Độ coi Việt Nam như một đồng minh chống lại Trung Quốc.

Tàu hải quân Ấn Độ *INS Airavat* khi đang di chuyển đến Nha Trang thuộc miền Nam Việt Nam vào tháng 7 năm 2011 thì đã bị Trung Quốc cảnh báo bằng tín hiệu radio là hãy tránh xa “vùng biển Trung Quốc”. Bộ Ngoại giao Ấn Độ phản ứng lại rằng “Ấn Độ ủng hộ tự do hàng hải trên vùng biển quốc tế, bao gồm cả Biển Đông, và quyền qua lại phù hợp với những nguyên tắc đã được công nhận trong luật quốc tế”.¹⁴ Trong khi đó, Trung Quốc đã phản đối những hoạt động thăm dò của Công ty Dầu và Khí tự nhiên Ấn Độ (ONGC) xung quanh quần đảo Hoàng Sa, khu vực mà người Trung Quốc đặc biệt nhạy cảm. Quan điểm của ONGC là các yêu sách của Việt Nam phù hợp với luật quốc tế, và họ sẽ tiếp tục các dự án thăm dò tại hai lô gần quần đảo Hoàng Sa.¹⁵

Sau đó, khi Chủ tịch Việt Nam Trương Tấn Sang sang thăm New Delhi, ONGC và PetroVietnam đã ký một hợp đồng ba năm về hợp tác thăm dò và khai thác dầu khí vào ngày 12 tháng 10 năm 2011, bất chấp sự phản đối của Trung Quốc.¹⁶ Đáng chú ý hơn, hợp đồng này được ký trong khi Tổng bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Nguyễn Phú Trọng đang đi thăm Bắc Kinh và bày tỏ tình hữu nghị với Trung Quốc.¹⁷ Việt Nam lại dùng đến phương sách truyền thống trong ứng xử với Trung Quốc – tức là nhấn mạnh những điểm chung và tình hữu nghị, vốn là công việc của tổng bí thư Đảng, trong khi vẫn tìm kiếm ở Ấn Độ một đối trọng hiệu quả [để cân bằng với Trung Quốc]. Quả thực, sự can dự của Ấn Độ đến khu vực và mối quan hệ ngày càng thân thiết của họ với Việt Nam sẽ làm cho tình hình Biển Đông thêm khó khăn. Có thể dự đoán là sẽ xảy ra nhiều sự cố hơn nữa, khi mà Trung Quốc vạch ra giới hạn cho cường quốc đối thủ cạnh tranh ở châu Á này.

Cuộc chiến giành cá

Như thể tranh chấp về năng lượng vẫn chưa đủ, sự cạnh tranh về cả nguồn cá và các tài nguyên biển từ Biển Đông cũng góp phần gia tăng căng thẳng. Trong quá khứ, các tàu cá thường xuyên ra vào các vùng chông lán, nhưng việc gia tăng mức độ thường xuyên của những vụ việc như vậy đã gây ra những quan ngại. Việt Nam tuyên bố rằng 63 tàu cá cùng 725 ngư dân đã bị phía Trung Quốc bắt giữ trên Biển Đông kể từ năm 2005.¹⁸ Sau đó tất cả họ đều bị yêu cầu nộp tiền phạt rất cao thì mới được phóng thích. Trong một vụ việc gây sự chú ý lớn của dư luận Việt Nam, một tàu tuần tra Trung Quốc đã bắt giữ tàu cá Việt Nam cùng 12 thủy thủ khi họ đang hoạt động quanh khu vực quần đảo Hoàng Sa vào tháng 3 năm 2010. Đây không phải lần đầu tiên Trung Quốc làm điều này và Bộ Ngoại giao Việt Nam đã phản đối dữ dội, và đây là một trường hợp cho thấy sự bất mãn của Việt Nam với hành xử của Trung Quốc.

Trung Quốc áp đặt một lệnh cấm đánh bắt cá hàng năm trên Biển Đông, họ xem đó như là cách bảo tồn nguồn cá cho đội tàu của mình tại Biển Đông. Lần đầu tiên Bắc Kinh ban lệnh cấm là vào năm 1999, từ tháng 6 tới tháng 7 hàng năm, và tới năm 2009 thì họ kéo dài lệnh cấm thành từ ngày 16 tháng 5 đến ngày 1 tháng 8 hàng năm. Phạm vi cấm rất mơ hồ, mặc dù lệnh cấm bao trùm lên một khu vực bao quanh quần đảo Hoàng Sa nhưng lại không vươn xa xuống phía Nam tới quần đảo Trường Sa.²⁰ Việt Nam phản đối kịch liệt, vì lệnh cấm ảnh hưởng tới sinh kế của các ngư dân Việt. Để thực thi lệnh cấm và bảo vệ các tàu cá của mình, Trung Quốc phái đến khu vực các tàu mà họ gọi là “tàu kiểm ngư”, nhưng thực chất đó là những tàu hải quân được hoá chuyển. Trung Quốc cũng đã tuyên bố kế hoạch tăng cường sức mạnh của lực lượng hải giám, lên đến 16 máy bay và 350 tàu biển vào năm 2015, số máy bay và tàu này sẽ được sử dụng để giám sát hoạt động tàu bè trên biển, thực hiện các nhiệm vụ khảo sát, “bảo vệ an ninh hành hải” và kiểm tra các tàu nước ngoài hoạt động “trên vùng biển của Trung Quốc”.²¹

Một vấn đề khác là tàu Việt Nam cũng đi vào vùng biển mà các nước ASEAN khác yêu sách. Hai tàu Việt Nam mang tên Indonesia đã bị tàu tuần tra Indonesia bắt hồi tháng 2 năm 2011 gần quần đảo Natuna.²² Phía Indonesia nói rằng trong năm 2009, khoảng 180 tàu (không phải tất cả đều là của Việt Nam, ví dụ như có một số là của Malaysia) đã bị bắt giữ vì đánh cá bất hợp pháp trong vùng biển của họ.²³ Khi nhu cầu tăng lên mà nguồn cá bị cạn kiệt, việc tranh chấp đánh bắt cá chắc chắn sẽ gia tăng trên Biển Đông, đặc biệt là khi các bên có yêu sách đều nâng cấp hải quân và lực lượng tuần tra bờ biển.

Cạnh tranh giữa các cường quốc

Năng lượng và nguồn cá không là những yếu tố duy nhất trong cuộc tranh chấp này. Biển Đông đang được đưa vào phạm vi cạnh tranh chiến lược giữa Trung Quốc với Hoa Kỳ khi Trung Quốc tăng cường mở rộng chiến lược hải quân và triển khai các năng lực hải quân mới. ASEAN cho rằng những yêu sách bành trướng của Trung Quốc đến toàn bộ khu vực là có thể đàm phán được, rằng Trung Quốc sẽ chịu dàn xếp cho một hiệp định khu vực có các điều khoản thuận lợi, trong đó những tuyên bố chủ quyền sẽ được điều chỉnh, và nguồn lợi dầu khí cũng như ngư trường sẽ được chia sẻ. Dựa vào cơ sở này, ASEAN đã kéo Trung Quốc vào tham gia đối thoại thường xuyên với hy vọng thuyết phục các nhà cầm quyền Trung Quốc về giá trị của một cơ chế chuẩn tắc giúp điều chỉnh hành vi ở Biển Đông. ASEAN thường xuyên cân trọng trong việc tránh khiêu khích Trung Quốc và kỳ vọng Trung Quốc sẽ đáp lại kịp thời, và rằng phương cách ASEAN trong việc khuyến khích đồng thuận sẽ được Bắc Kinh chấp nhận một cách đúng lúc.

Nếu vấn đề chỉ liên quan đến những yêu sách cạnh tranh về năng lượng và ngư trường, thì một hiệp định chỉ rõ quy tắc tương tác và quản lý tranh chấp (gọi cách khác là một cơ chế hàng hải) rất có thể có khả năng trở thành hiện thực như các nhà hoạch định chính sách ASEAN đã lập luận. Tuy nhiên, cạnh tranh chiến lược với Hoa Kỳ đã định hình lại tranh chấp theo cách làm giảm vai trò của ASEAN và khả năng của họ trong việc đàm phán một giải pháp cho vấn đề với Trung Quốc. Điều đó làm Trung Quốc lãnh đạm với các ý tưởng của ASEAN và trở nên quan ngại hơn về các động thái bên ngoài khu vực của Hoa Kỳ cũng như các hoạt động hải quân của nước này. Điều này cũng dẫn đến việc Trung Quốc cư xử đặc biệt quyết liệt hơn bởi khả năng lớn hơn trong việc kiểm soát Biển Đông là một phần cần thiết cho sự triển khai và chiến lược tăng cường hải quân của nước này.

Chiến lược hải quân của Trung Quốc đã được định hình trong nhiều năm qua kể từ khi Tư lệnh Hải quân Liu Huaqing (1982-1988) lần đầu tiên kêu gọi hình thành một lực lượng hải quân viễn dương đủ sức bảo vệ quyền lợi hàng hải của Trung Quốc. Hơn hai thập kỷ qua, Trung Quốc đã đều đặn phát triển sức mạnh hải quân, được nước này coi là cần thiết cho vị thế siêu cường. Khi Trung Quốc tăng sức mạnh kinh tế, lợi ích hàng hải của họ cũng mở rộng tương ứng (cùng với sức mạnh hải quân), đưa họ vào cuộc xung đột với Hoa Kỳ - cường quốc hải quân thống trị tại Tây Thái Bình Dương.

Sự bành trướng của hải quân Trung Quốc

Chiến lược hải quân Trung Quốc đề ra ba nhiệm vụ nhằm định hướng cho sự phát triển năng lực hải quân của họ. Thứ nhất là ngăn chặn Đài Loan tuyên bố độc lập đồng thời cản trở Hoa Kỳ ủng hộ Đài Loan bằng việc triển khai hải quân khi có các sự kiện xung đột. Nhiệm vụ này đã trở thành một điểm nổi bật của chiến lược hải quân Trung Quốc sau khi Hoa Kỳ điều động hai tàu sân bay trong suốt giai đoạn khủng hoảng ở eo biển Đài Loan năm 1995 và 1996, đó là chiếc *Nimitz* vào tháng 12 năm 1995 và chiếc *Independence* vào tháng 3 năm 1996, như một cách phô diễn sức mạnh hải quân mà người Trung Quốc chưa thể nào quên. Nhiệm vụ thứ hai là bảo vệ các tuyến giao thương mở rộng của Trung Quốc và các nguồn cung cấp năng lượng đang vận hành xuyên Ấn Độ Dương và eo biển Malacca, nơi ước tính chừng 80% lượng dầu nhập khẩu của Trung Quốc được chuyên chở.²⁴ Nhiệm vụ này đã trở nên quan trọng sau khi Trung Quốc trở thành một nước nhập khẩu ròng về dầu mỏ vào năm 1993 và khi Bắc Kinh nhận ra nền kinh tế của họ phụ thuộc vào dầu nhập khẩu đến thế nào vào cuối thập niên 1990. Nhiệm vụ thứ ba là triển khai năng lực đánh trả hạt nhân lần thứ hai từ mặt biển tại khu vực Tây Thái Bình Dương, một hệ quả khác của cuộc khủng hoảng Đài Loan năm 1995 -1996. Bắc Kinh hiểu rằng năng lực này sẽ là một sự răn đe tối hậu chống lại Hoa Kỳ trong các cuộc khủng hoảng liên quan đến Đài Loan cũng như các cuộc khủng hoảng khác.

Để thực hiện các sứ mệnh này, Trung Quốc đã phát triển hoặc triển khai bốn lớp tàu ngầm và sáu lớp tàu khu trục mới trong vòng hơn hai thập kỷ qua. Trung Quốc đã đặt mục tiêu phát triển lực lượng hải quân viễn dương, và như Đô đốc tư lệnh Hải quân Wu Shengli đã tuyên bố vào tháng 5 năm 2009, Trung Quốc sẽ thiết lập một “hệ thống phòng thủ trên biển” để “bảo vệ an ninh hàng hải và sự phát triển kinh tế”.²⁵ Hải quân viễn dương cần có những tàu sân bay, và tàu sân bay đầu tiên của Trung Quốc, chiếc *Shi Lang*, được xây dựng lại từ chiếc tàu sân bay thời Xô Viết trọng tải 32.000 tấn *Varyag*, đã được thử nghiệm trên biển từ ngày 10 đến ngày 14 tháng 8 năm 2011. Họ hy vọng nó sẽ đi vào hoạt động trong năm 2012 và sẽ mang theo 48 chiếc máy bay chiến đấu trên biển Su-33 và máy bay chiến đấu Trung Quốc Jian- 10 được điều chỉnh để phù hợp với hoạt động trên tàu sân bay. Trung Quốc được cho là sẽ xây dựng một chiếc tàu sân bay khác trọng tải 50.000 đến 60.000 tấn trước năm 2015 và một tàu sân bay chạy bằng năng lượng hạt nhân trước năm 2020.²⁶ Các tàu sân bay đều đòi hỏi đội tàu hộ tống để cung cấp năng lực phòng không và ngăn chặn các cuộc tấn công từ tàu ngầm. Điều này chỉ ra rằng họ đã có kế hoạch mở rộng năng lực hải quân quy mô lớn.

Xét về lực lượng hạt nhân trên biển, Trung Quốc có bốn tàu ngầm mang tên lửa đạn đạo, hay gọi là SSBN. Chiếc tàu ngầm mang tên lửa đạn đạo đầu tiên của Trung Quốc là tàu lớp *Hạ (Xia)* bây giờ đã lỗi thời, được hoàn thành vào năm 1981 và mang theo được 12 tên lửa đạn đạo JL – 1 (SLBM) có tầm bắn lên đến 2.700 km, không đủ để tấn công vào đất liền của Hoa Kỳ. Hai trong số những chiếc SSBN hiện đại và đáng tin cậy hơn thuộc lớp *Tân (Jin)* đã được triển khai từ năm 2004, mỗi cái mang theo 12 tên lửa đạn đạo JL- 2 với tầm

bắn lên đến 8.400 km, tạo cho chúng khả năng tấn công liên lục địa. Trung Quốc được cho là sẽ triển khai ít nhất 5 chiếc thuộc lớp *Tán* trong những năm tới.²⁷

Trung Quốc cần nơi trú ẩn cho các nền tảng hải quân của họ để chống lại những cuộc tấn công từ trên không và trên biển.²⁸ Những chiếc tàu sân bay và tàu ngầm mang tên lửa đạn đạo cũng đòi hỏi tiếp cận những vùng biển mở để hoàn thành sứ mệnh của mình; nếu không chúng có thể bị giam hãm vào một khu vực giới hạn và trở thành gần như là vô ích. Chỉ một vài nơi dọc theo bờ biển của Trung Quốc là có thể cung cấp chỗ trú ẩn cho hải quân của họ, nơi có thể tổ chức phòng ngự, đồng thời có thể dễ dàng tiếp cận vùng biển mở. Một là ở Hoàng Hải, nơi có căn cứ tàu ngầm đặt tại Xiaopingdao gần Đại Liên. Một nơi hợp lý khác là khu vực Hải Nam và khu vực nửa đóng của phía bắc Biển Đông, nơi có lợi thế gần với eo biển Malacca và các tuyến đường biển nối sang Ấn Độ Dương. Bất cứ vị trí nào khác xa hơn về phía Bắc sẽ có thể dễ bị tấn công ngăn chặn từ phía biển vào bởi Hoa Kỳ.

Vì lý do này, Trung Quốc đã và đang xây dựng căn cứ ngầm ở Tam Á trên đảo Hải Nam, nơi sẽ chứa không chỉ các tàu SSBN mà cả tàu sân bay cũng như đội tàu hộ tống khi chúng được triển khai.²⁹ Năm 2008, một chiếc tàu ngầm SSBN lớp *Tán* đã được triển khai ở đó, và tới tháng 10 năm 2010, hai tàu ngầm hạt nhân lớp *Thương* (*Shang*) đã vào bến ở Tam Á.³⁰ Tàu sân bay *Shi Lang* cũng có thể sẽ được đóng ở đó. Khi Hải Nam phát triển trở thành căn cứ hải quân thì quần đảo Hoàng Sa ở phía nam đóng một vai trò quan trọng trong việc cung cấp lá chắn bảo vệ đường không và đường biển cho Hải Nam. Điều đó giải thích vì sao Bắc Kinh rất nhạy cảm với các tàu khảo sát của Hoa Kỳ và tại sao 5 tàu hải quân Trung Quốc đã đụng độ với chiếc USNS *Impeccable* của Hoa Kỳ khi nó đi vào trong vùng biển cách đảo Hải Nam 121 km vào ngày 9 tháng 3 năm 2009.³¹

Bảo vệ Hải Nam là một chuyện, nhưng đảm bảo cho tàu sân bay và SSBN tiếp cận được vùng biển mở là một chuyện khác. Để làm được việc này, Trung Quốc cần phải kiểm soát được quần đảo Trường Sa, hoặc ít nhất họ cần có khả năng ngăn chặn các cường quốc bên ngoài can thiệp vào các hoạt động của hải quân Trung Quốc trong một khu vực mở rộng đến tận eo biển Malacca. Năm 2009, tướng Zhang Li, nguyên Phó tổng Tư lệnh Giải phóng quân Trung Quốc (PLA) đã kêu gọi xây một sân bay và một cảng biển tại bãi đá Vành Khăn trong khu vực Philippines tuyên bố chủ quyền ở quần đảo Trường Sa mà hiện giờ đang do Trung Quốc chiếm. Ý định của họ là nhằm tiến hành các cuộc tuần tra trên không tại khu vực, để yểm trợ các tàu cá Trung Quốc, và để thể hiện chủ quyền của Trung Quốc trên Biển Đông.³²

Chính Liu Huaqing là người đưa ra các khái niệm phòng thủ khu vực cho Trung Quốc, tạo ra không gian hàng hải phòng vệ cho việc phát triển hải quân. Liu đã học được khái niệm phòng thủ khu vực từ Sergei Gorshkov, chỉ huy hải quân Liên Xô, và là người hướng dẫn của ông tại Học viện Hải quân Liên Xô khi ông du học ở đó những năm 1950. Dưới trướng Liu, chiến lược hải quân của Trung Quốc chuyển từ phòng thủ ngoài khơi hay phòng thủ bờ biển sang “phòng thủ biển gần”, bao trùm một khu vực rộng kéo dài tới “chuỗi đảo đầu tiên”. Vùng biển này trải dài suốt từ Nhật Bản đến quần đảo Ryukyu, đến Philippines

rời đến Biển Đông; chuỗi đảo thứ hai nằm xa hơn ngoài khơi Thái Bình Dương, trải dài từ Nhật Bản và bao gồm cả đảo Guam.³³ Kể từ khi hình thành cách đây hai thập niên, khái niệm chuỗi đảo tiếp tục định hình tư duy hải quân Trung Quốc, đóng vai trò là một cách để xác định và phân ranh giới các khu vực lợi ích.³⁴ Khái niệm chuỗi đảo đầu tiên bao gồm Đài Loan như là điểm then chốt và cả không gian biển bao quanh nó, cho phép phong tỏa bằng tàu ngầm trong trường hợp Đài Loan tuyên bố độc lập khỏi đại lục. Nó cũng bao gồm những vùng biển đủ lớn cho các tàu ngầm SSBN thường xuyên tuần tra và triển khai các điểm phóng tên lửa ở giữa đại dương.³⁵



Nguồn: Globalsecurity.org

Nếu là một khái niệm phòng thủ khu vực, nó bao gồm cả Hoàng Hải lẫn Biển Đông như là những vị trí trú ẩn an toàn để đặt các căn cứ hải quân cũng như đường ra biển khơi an toàn. Tuy nhiên, phòng thủ khu vực đòi hỏi phải giữ chân Hải quân Hoa Kỳ từ xa và ở một khoảng cách đủ lớn để nó không thể can thiệp vào việc triển khai của hải quân Trung Quốc trong khu vực. Để đạt mục tiêu này, Trung Quốc đã triển khai DF-21D, được mô tả là một loại tên lửa đạn đạo chống tàu (ASBM) có khả năng nhắm đến các tàu sân bay Hoa Kỳ và các tàu mặt nước lớn khác.³⁶ Đô đốc Robert F. Willard, tư lệnh Bộ chỉ huy Thái Bình Dương của Hoa Kỳ, nói rằng khi kết hợp cùng tàu ngầm Trung Quốc, tên lửa này có thể gây ra một mối đe dọa nghiêm trọng đối với hải quân Mỹ, và cuối cùng có thể sẽ “vô hiệu hóa” năng lực triển khai sức mạnh của Hoa Kỳ.³⁷ Bộ Quốc phòng Mỹ tuyên bố rằng với khả năng định vị và truy đuổi mục tiêu hiệu quả, loại tên lửa này có thể đe dọa các tàu hải quân Mỹ trong tầm bắn từ 1.500 đến 2.100km.³⁸

Phù hợp với các khái niệm phòng thủ khu vực này, Trung Quốc cũng kỳ vọng Hoa Kỳ công nhận các vùng ảnh hưởng riêng của mình ở Tây Thái Bình Dương, trong đó Đài Loan và Biển Đông phải chắc chắn nằm trong vùng ảnh hưởng của Trung Quốc. Trong quan điểm của Trung Quốc, sự hiện diện của hải quân Hoa Kỳ ở vùng biển Tây Thái Bình Dương ngăn chặn việc Đài Loan thống nhất với đại lục và khuyến khích các nước ASEAN có yêu

sách ở Biển Đông chống lại các yêu sách của Trung Quốc. Nếu có thể đạt tới một thỏa thuận nào đó theo cách này với một nước Mỹ đang suy yếu về kinh tế thì Trung Quốc quả thật sẽ trở thành siêu cường thống trị tại khu vực Tây Thái Bình Dương.

Phản ứng của Hoa Kỳ

Ý tưởng chung sống với một cường quốc đang nổi lên và xoa dịu sự bất mãn vốn có thể dẫn tới xung đột đã thu hút sự chú ý trong các cuộc thảo luận về sự chuyển giao bá quyền và tạo ra một sự hòa hợp về quyền lực ở châu Á. Tuy nhiên, quan điểm của Trung Quốc về “phạm vi ảnh hưởng” đã vượt ra ngoài giới hạn của sự chấp nhận chung sống, và đó là lý do tại sao chính quyền Obama đã bác bỏ ý tưởng này. Các cam kết và lợi ích của Hoa Kỳ ở Tây Thái Bình Dương vượt ra khỏi sự phân chia đó, việc chấp nhận sự phân chia đó sẽ làm xói mòn liên minh với Nhật Bản và Hàn Quốc. Chiến lược của Hoa Kỳ ở Châu Á-Thái Bình Dương sẽ suy yếu, và Hoa Kỳ sẽ bị đẩy ra xa với không nhiều ảnh hưởng tương ứng với vị thế của mình ở khu vực. Để tránh viễn cảnh này, chính quyền Obama đã đổi đầu với áp lực của Trung Quốc ở Tây Thái Bình Dương bằng cách đưa ra những tín hiệu rõ ràng về lợi ích của họ trên Biển Đông và xúc tiến quan hệ an ninh với các đồng minh và những nước ủng hộ họ.³⁹

Có thể thấy được việc Trung Quốc muốn có các vùng ảnh hưởng riêng rẽ trước thềm Diễn đàn Khu vực ASEAN ở Hà Nội vào tháng 7/2010. Kỳ vọng rằng Mỹ sẽ đồng ý, đại sứ quán Trung Quốc ở Washington đã đề nghị Bộ Ngoại giao Mỹ không nêu vấn đề Biển Đông.⁴⁰ Trước đó, Hoa Kỳ ít thể hiện quan tâm đối với vấn đề này ngoài việc cho rằng phải duy trì quyền tự do hàng hải, và Trung Quốc dường như không quan tâm đó sẽ còn tiếp tục. Tuy nhiên, Ngoại trưởng Hillary Clinton tại diễn đàn đã thể hiện quyết tâm tập hợp các nước ASEAN có yêu sách chủ quyền, những nước đã cảm thấy bất an trước sức ép của Trung Quốc. Trong một động thái làm Trung Quốc ngỡ ngàng, bà đã khẳng định lợi ích của Mỹ ở Biển Đông và nhấn mạnh rằng các quốc gia tranh chấp nên theo đuổi yêu sách chủ quyền của mình phù hợp với UNCLOS và đặc điểm địa lý. Việc này thách thức các yêu sách của Trung Quốc, vốn dựa trên lịch sử và quyền khám phá đầu tiên hơn là dựa vào việc mở rộng vùng biển từ đất liền phù hợp với luật biển.⁴¹ Bà cũng ủng hộ một “tiến trình ngoại giao hợp tác giữa tất cả các nước có yêu sách liên quan”, trong khi Trung Quốc vẫn khẳng định rằng đàm phán về vấn đề Biển Đông cần phải được tiến hành song phương với từng nước ASEAN có yêu sách, và rằng bên thứ ba không nên dính líu vào.

Kể từ cuộc họp đó, Hoa Kỳ đã xúc tiến đẩy mạnh quan hệ quốc phòng với các nước ASEAN có cùng mối quan ngại về Trung Quốc. Ngày 23 tháng 7 năm 2010, Washington chấm dứt lệnh cấm quan hệ với Lực lượng Đặc nhiệm Indonesia còn gọi là *Kopassus*. Lệnh cấm này được đưa ra hồi năm 1997, cấm Hoa Kỳ có quan hệ với những đơn vị quân sự nước ngoài có tiền sử vi phạm nhân quyền.⁴² Đáng kể là vào tháng 9 năm 2010, Bộ trưởng Ngoại giao Indonesia Marty Natelagawa đã bác bỏ quan điểm của Trung Quốc cho rằng Mỹ không

nên tham gia vào tranh chấp Biển Đông, thể hiện tâm lý lo ngại có từ lâu đời của Indonesia đối với Trung Quốc.

Philippines cũng đẩy mạnh quan hệ với Mỹ như một cách phản ứng lại áp lực của Trung Quốc, bắt chước mối quan hệ trực trặc của họ với ông chủ cũ thời thực dân. Ngoại trưởng Albert del Rosario chỉ ra “hành động hung hăng của Trung Quốc”, và đã đi thăm Washington vào tháng 6 năm 2011 để nhận được đảm bảo ủng hộ từ phía Mỹ. Trong thời gian ở đó, ông thúc ép Mỹ làm rõ lập trường về Hiệp ước Phòng thủ Tương hỗ (MDT) năm 1951.⁴⁴ Manila luôn khẳng định rằng MDT bao gồm cả Biển Đông, nhưng Mỹ bác bỏ. Mỹ lập luận rằng yêu sách của Philippines được đưa ra sau khi Hiệp ước được ký xong, và Mỹ chỉ có cam kết pháp lý bảo vệ Philippines như đã được xác định trong Công ước Paris 1898, theo đó Mỹ nhận Philippines từ tay Tây Ban Nha. Tuy nhiên, Mỹ đã cung cấp hỗ trợ về mặt vật chất, trước cảnh Philippines muốn dựa vào Mỹ để bổ sung cho năng lực hải quân yếu kém của mình.⁴⁵ Del Rosario kêu gọi xây dựng một hệ thống cho thuê vũ khí, theo đó họ có thể thuê thiết bị mới từ Mỹ.⁴⁶ Mỹ cũng nhất trí mở rộng việc chia sẻ thông tin tình báo với Philippines nhằm giúp tăng cường khả năng giám sát và theo dõi trên biển của nước này.⁴⁷

Quan hệ của Mỹ với Việt Nam đã được cải thiện trong một mối hợp tác về an ninh ngày càng gia tăng được xúc tiến bởi quân đội của cả hai bên. Việt Nam coi Mỹ là một đối trọng quan trọng nhằm kiểm soát Trung Quốc, nhưng sự gằn gủi về mặt địa lý với người láng giềng khổng lồ phương Bắc cho thấy họ sẽ phải thận trọng. Mặc dù mối quan hệ khó có thể vượt qua được các trở ngại đặt ra bởi sự lo ngại của Việt Nam về phản ứng của Trung Quốc cũng như bởi chính Quốc hội Mỹ (vốn do tác động sót lại từ Chiến tranh Việt Nam đã ngăn chặn nỗ lực của bên hành pháp nhằm xây dựng quan hệ gằn gủi hơn với Việt Nam), nhưng một loạt chuyến thăm đáng chú ý đã diễn ra, gồm chuyến thăm nhận được nhiều chú ý của Tổng thống Bill Clinton sang Việt Nam hồi tháng 11 năm 2000, là chuyến thăm đầu tiên của một tổng thống Hoa Kỳ tới một nước Việt Nam thống nhất.⁴⁸ Tháng 8 năm 2010, tàu sân bay USS George Washington đã đi dọc bờ biển Việt Nam và đón một số quan chức quân sự cấp cao của Việt Nam lên thăm.⁴⁹ Hải quân Mỹ tìm kiếm dịch vụ và các cơ sở cung ứng hậu cần cho tàu của họ ở Việt Nam, với việc ba tàu hải quân như thế đã được sửa chữa tại Việt Nam trong hai năm qua – chiếc cuối cùng là tàu USNS *Richard E. Byrd*, được bảo dưỡng Vịnh Cam Ranh vào tháng 8 năm 2011. Vào ngày 1 tháng 8 năm 2011, Mỹ và Việt Nam ký một thỏa thuận được coi như hiệp định quân sự đầu tiên kể từ thời chiến tranh Việt Nam, dù thỏa thuận này chỉ giới hạn ở hợp tác về y tế và nghiên cứu quân y, nhưng có thể nó sẽ mở ra cánh cửa cho các hiệp định khác có phạm vi rộng hơn.⁵⁰

Kể từ đó, Tổng thống Obama cũng đã nhấn mạnh tầm quan trọng của khu vực Châu Á-Thái Bình Dương, và bác bỏ các suy đoán cho rằng Mỹ sẽ thu hẹp vai trò của mình để điều chỉnh cho phù hợp với sự trỗi dậy của Trung Quốc. Trong một chuyến thăm tới Australia tháng 11 năm 2011, ông đã tuyên bố rằng Mỹ sẽ triển khai luân phiên 2.500 lính thủy đánh bộ đến vùng phía bắc Australia; ông cũng tiết lộ rằng tàu hải quân và máy bay Mỹ sẽ tăng cường sử dụng các căn cứ ở Australia.⁵¹ Sự gằn gủi về địa lý của Australia với Biển

Đông và các khu vực xung quanh, cũng như địa vị đồng minh tin cậy cùng một chính phủ ổn định khiến Australia trở thành một lựa chọn hấp dẫn đối với Mỹ, vốn đã và đang tìm kiếm các vị trí mà từ đó có thể triển khai lực lượng tới những vùng xung đột ở Tây Thái Bình Dương. Trong một diễn văn trước hội nghị thượng đỉnh ASEAN cũng tháng đó, Obama đã tuyên bố Mỹ đang trở lại khu vực một cách mạnh mẽ, sau khi giảm dần sự can dự ở Iraq và Afghanistan.⁵² Khi Mỹ tăng cường vai trò ở khu vực, các nước ASEAN có yêu sách sẽ trở nên cứng cỏi hơn khi đối đầu với áp lực từ Trung Quốc, vốn đã tăng lên trong hơn hai năm qua. Nếu các xu hướng này tiếp tục thì khu vực sẽ bị phân cực giữa Mỹ và Trung Quốc, và căng thẳng sẽ đặc biệt gia tăng trên Biển Đông.

Sự trấn an từ phía Trung Quốc

Nhận thức được các sự việc đã thay đổi theo hướng bất lợi cho Trung Quốc ít nhất là từ Diễn đàn Khu vực ASEAN tháng 7 năm 2010, ban lãnh đạo của Hồ Cẩm Đào đã nỗ lực xoa dịu tình hình căng thẳng trên Biển Đông. Tư thế gây hấn mà một số đại diện quân đội Trung Quốc lựa chọn cũng như việc thúc đẩy quá quyết liệt cho sự ra đời một vùng ảnh hưởng riêng ở Tây Thái Bình Dương đã đe dọa gây tác dụng ngược với Trung Quốc và thậm chí còn đẩy ASEAN đến gần Mỹ hơn.

Trong khi đó, người điều phối chính sách đối ngoại của Hồ Cẩm Đào, Ủy viên Quốc vụ (và cố vấn an ninh quốc gia trên thực tế) Đới Bình Quốc đã có hành động kiểm soát tình hình, ngăn chính sách của Trung Quốc bị bắt làm con tin bởi chủ nghĩa dân tộc hiếu chiến ngày càng gia tăng một cách rõ rệt ở đây. Trong một diễn văn tại Ban thư ký ASEAN ở Jakarta vào ngày 22 tháng 1 năm 2010, Đới tuyên bố Trung Quốc không định làm “bá quyền”, không muốn “đẩy Mỹ ra khỏi Châu Á”, và rằng vấn đề Biển Đông sẽ dành cho các thế hệ tương lai giải quyết.⁵³ Trong một bài báo trên tờ *Wall Street Journal*, Đới nói với các độc giả Mỹ rằng “Trung Quốc chưa bao giờ nghĩ tới việc cạnh tranh để giành vị trí lãnh đạo thế giới”, rằng Trung Quốc đã hợp tác với Hoa Kỳ về nhiều vấn đề phức tạp khác nhau, và là “một đối tác mà Hoa Kỳ có thể tin cậy”.⁵⁴

Trung Quốc cũng đã xúc tiến làm dịu căng thẳng với Việt Nam – đối thủ chính của họ trên Biển Đông. Đới đã thăm Hà Nội từ ngày 5 đến ngày 9 tháng 9 năm 2011 để dự hội nghị lần thứ năm của Ủy ban chỉ đạo hợp tác Trung-Việt. Trong thời gian ở đó, ông ra tuyên bố nói rằng “Hai bên nhất trí đẩy mạnh phối hợp trong các vấn đề khu vực và tăng cường quan hệ Trung Quốc-ASEAN. Hai bên cũng nhất trí sẽ xử lý thỏa đáng tranh chấp Biển Đông thông qua tham vấn sâu nhằm duy trì quan hệ hữu nghị giữa hai nước”.⁵⁵ Chẳng bao lâu sau đó, Ngô Bang Quốc, Chủ tịch Ủy ban thường vụ Quốc hội Trung Quốc, gặp Tổng Bí thư Việt Nam Nguyễn Phú Trọng ở Bắc Kinh và tuyên bố rằng Trung Quốc muốn tăng cường lòng tin chính trị với Việt Nam và giải quyết các vấn đề còn tồn tại trong quan hệ song phương.⁵⁶ Vào ngày 15 tháng 10, cả Trung Quốc và Việt Nam đã nhất trí đẩy mạnh hợp tác quân sự bằng cách tăng cường tiếp xúc giữa các sĩ quan cấp cao và thiết lập một đường

dây nóng giữa Bộ Quốc phòng hai nước. Hai bên cũng thỏa thuận tiến hành tuần tra chung dọc biên giới trên bộ và trên Vịnh Bắc Bộ, tăng cường các chuyến viếng thăm lẫn nhau của tàu hải quân, và thảo luận về công cuộc phát triển chung trên biển.⁵⁷ Tại Việt Nam, các cuộc biểu tình phản đối Trung Quốc đã diễn ra tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh suốt từ tháng 6 năm 2011, nhưng tới tháng 10 những người biểu tình đã bị giải tán và các cuộc biểu tình chấm dứt.⁵⁸

Tương lai

Tranh chấp chủ quyền biển vốn chỉ liên quan đến Trung Quốc, Việt Nam và các nước ASEAN ven biển giờ đã trở thành điều đe dọa hòa bình và ổn định ở Tây Thái Bình Dương. Trung Quốc là nước duy nhất từng dùng đến vũ lực trong tranh chấp, khi họ hất chân quân đội miền Nam Việt Nam ra khỏi Tây Hoàng Sa vào tháng 1 năm 1974 và khi tàu hải quân của họ đánh chìm ba tàu Việt Nam [tại Trường Sa] năm 1988. Các tranh chấp này bị kiềm chế vì chúng không liên quan tới các siêu cường bên ngoài, và mặc dù ASEAN đã được đánh động sau vụ giao chiến năm 1988 nhưng sự cố đó không làm Mỹ lo ngại. Khi các bên có yêu sách thuộc ASEAN tham gia vào thăm dò năng lượng trong thập niên 1990, đã xảy ra những sự cố khác nhau liên quan đến Trung Quốc, và cả giữa các nước ASEAN với nhau, nhưng ít có nguy cơ xảy ra xung đột trực tiếp. Thời gian đó giờ đã qua khi mà các chương trình tăng cường hải quân khiến cho Biển Đông trở nên quan trọng hơn đối với Trung Quốc. Để có thể hoàn thành các mục tiêu của mình, Hải quân Trung Quốc cần những căn cứ an toàn ở Hải Nam, nơi có thể được bảo vệ khỏi các cuộc tấn công bằng tàu ngầm và từ trên không, đồng thời đảm bảo có được đường ra công hải xuyên qua Biển Đông. Vì các lý do đó, Trung Quốc buộc phải tìm cách kiểm soát khu vực nhiều hơn và giữ Hải quân Mỹ ở một khoảng cách an toàn. Thái độ quyết liệt của Trung Quốc về vấn đề Biển Đông đã thúc đẩy các nước ASEAN có yêu sách phải kéo Hoa Kỳ vào và thực hiện các chương trình hiện đại hóa hải quân của riêng mình. Chẳng hạn, Việt Nam đã mua của Nga 6 tàu ngầm lớp Kilo và 8 máy bay chiến đấu đa nhiệm Su-30MK2V, còn Indonesia thì ký hợp đồng mua ba tàu ngầm Hàn Quốc. Việc Hồ Cẩm Đào phái Đới Bình Quốc sang Việt Nam trong một nỗ lực làm dịu căng thẳng trên biển cho thấy Trung Quốc nhận ra được độ nguy hiểm trong những khuynh hướng trên.

Việc chính quyền Hồ Cẩm Đào tìm cách làm giảm căng thẳng quả thật được rất nhiều người hoan nghênh, nhưng đã qua rồi thời kỳ mà Mao hoặc Chu Ân Lai có thể kiểm soát chính sách của Trung Quốc chỉ đơn giản bằng các nghị định. Việc hoạch định chính sách ở Trung Quốc đã trở nên phức tạp hơn nhiều, vì quyền lực trở nên phân tán hơn và khó bị can thiệp trực tiếp từ bên trên. Trung Quốc có thể đưa ra các tuyên bố hữu nghị với thế giới bên ngoài, nhưng các năng lực hải quân của họ vẫn tiếp tục mở rộng theo những kế hoạch phát triển kéo dài hàng thập kỷ. Sau đó, các kế hoạch ấy sẽ tự động phát triển một khi ngân sách được giao và tham vọng dân tộc được đánh thức. Những kế hoạch này cũng tập

hợp các cơ quan quyền lực có lợi ích liên quan đến PLA và bộ máy an ninh, vốn được coi là phương tiện để thực hiện các tham vọng riêng của họ và phục hồi địa vị vĩ đại của đất nước Trung Hoa. Khi các tàu sân bay xuất hiện cùng đội tàu hộ tống, và thêm nhiều tàu SSBN lớp *Tán* cùng tàu ngầm tấn công hạt nhân được triển khai, áp lực đối với các nước ASEAN có yêu sách ở Biển Đông sẽ dâng cao, và cạnh tranh với Mỹ sẽ ngày càng gay gắt.

Mỹ có thể phải đối diện với nguy cơ bị gạt ra khỏi Tây Thái Bình Dương, và đó là lý do vì sao chính quyền Obama không có mấy lựa chọn ngoài việc khẳng định lợi ích của mình ở Biển Đông. Trong kịch bản xấu nhất, chiến lược hải quân Trung Quốc sẽ quyết định chính sách của Bắc Kinh đối với Biển Đông, và khi đó Trung Quốc sẽ rơi vào con đường đối đầu với Mỹ và cả khu vực. Quả thật, có nguy cơ là một quân đội mang nặng chủ nghĩa dân tộc sẽ thách thức quyền lãnh đạo của đảng trong quá trình chuyển giao quyền lực từ chính quyền Hồ Cẩm Đào vào mùa hè này và dẫn đến một lập trường cứng rắn hơn trong các vấn đề như Biển Đông.

Kịch bản bi quan này không nhất thiết là chắc chắn sẽ xảy ra, bởi lẽ giới lãnh đạo chính trị ở Trung Quốc là những người có xu hướng can thiệp cao và nhiều khả năng sẽ hành động để ngăn ngừa kết cục đó. Nếu lãnh đạo chính trị kiềm chế sự gây hấn của Trung Quốc trên Biển Đông, nếu họ kiềm nén được nhu cầu phải độc quyền kiểm soát toàn bộ khu vực, nếu họ ủng hộ tự do hàng hải cho các nước khác cũng như cho mình, và nếu ban lãnh đạo mới thực hiện được lời đảm bảo của Dai Bingguo rằng vấn đề Biển Đông quả thật sẽ được để lại cho các thế hệ sau giải quyết, thì Bắc Kinh có thể khiến cho việc phát triển hải quân của Trung Quốc trở thành một điều có thể chấp nhận được đối với khu vực. Theo cách đó, Trung Quốc cũng sẽ tránh được đối đầu trực tiếp với Mỹ.

Chú thích

1. Về khía cạnh pháp lý của các yêu sách, xem Mark J. Valencia, Jon M. Van Dyke & Noel A. Ludwig, *Sharing the Resources of the South China Sea* (University of Hawaii Press, 1999), pp. 39-59; và R. Haller-Trost, *The Spratly Islands: A Study on the Limitations of International Law*, Centre of South-East Asian Studies, University of Kent at Canterbury, Occasional Paper No. 14, October 1990.
2. U.S. Energy Information Administration, “China,” May 2011, http://205.254.135.7/countries/cab.cfm?fips_CH; và “BP Energy Outlook 2030,” January 2011, http://www.bp.com/liveassets/bp_internet/globalbp/globalbp_uk_english/reports_and_publications/statistical_energy_review_2011/STAGING/local_assets/pdf/2030_energy_outlook_booklet.pdf.
3. “Vietnam: Vietsovetro finds more oil at Bach Ho field offshore Vietnam,” Energy-Pedia News, June 29, 2011, <http://www.energy-pedia.com/news/vietnam/vietsovetro-finds-more-oil-at-bach-ho-field-offshore-vietnam>.

4. “Vietnam Market for Oil and Gas Machinery and Services,” U.S. Commercial Service-Vietnam, March 2011, http://export.gov/vietnam/static/BP-Oil%20and%20Gas%20Machinery%20and%20Services_Latest_eg_vn_030123.pdf.
5. Alex Watts, “Tensions rise as Vietnam accuses China of sabotage,” *The Sydney Morning Herald*, June 2, 2011, <http://www.smh.com.au/world/tensions-rise-as-vietnam-accuseschina-of-sabotage-20110601-1fgno.html>.
6. “China reprimands Vietnam over offshore oil exploration,” *Reuters*, May 28, 2011, <http://af.reuters.com/article/energyOilNews/idAFL3E7GS07E20110528>.
7. “Philippines to seek more oil in West Philippine Sea,” *Agence France-Presse*, June 29, 2011, <http://globalnation.inquirer.net/5034/philippines-to-seek-more-oil-inwest-philippine-sea>.
8. “Philippines protests China’s Spratly claim at UN,” *Agence France-Presse*, April 14, 2011, <http://globalnation.inquirer.net/news/breakingnews/view/20110414-331090/Philippinesprotests-Chinas-Spratly-claim-at-UN>.
9. Teresa Cerojano, “Beijing counters Manila’s UN protest, says Philippines ‘started to invade’ Spratlys in 1970s,” *Associated Press*, April 19, 2011, <http://arabnews.com/world/article366262.ece>.
10. TJ Burgonio, “Navy flagship to patrol PH waters only, says Palace,” *Philippine Daily Inquirer*, June 21, 2011, <http://newsinfo.inquirer.net/16678/navy-flagship-to-patrolph-waters-only-says-palace>.
11. “Philippines pulls markers from disputed waters,” *channelnewsasia.com*, June 15, 2011, http://www.channelnewsasia.com/stories/afp_asiapacific/view/1135238/1/.html.
12. “Philippines to boost Spratly patrols,” *channelnewsasia.com*, April 15, 2011, http://www.channelnewsasia.com/stories/afp_asiapacific/view/1122961/1/.html.
13. Daniel Ten Kate, “South China Sea Oil Rush Risks Clashes as U.S. Emboldens Vietnam on Claims,” *Bloomberg*, May 27, 2011, <http://www.bloomberg.com/news/2011-05-26/s-china-sea-oil-rush-risks-clashes-as-u-s-emboldens-vietnam.html>.
14. Indrani Bagchi, “China harasses Indian naval ship on South China Sea,” *Times of India*, September 2, 2011, http://articles.timesofindia.indiatimes.com/2011-09-02/india/30105514_1_south-china-sea-spratly-ins-airavat.
15. Ananth Krishnan, “South China Sea projects an infringement on sovereignty, says China,” *The Hindu*, September 19, 2011, http://www.thehindu.com/news/international/article2468317.ece?css_print.
16. “India, Vietnam sign oil exploration agreement, ignoring China’s objections,” *Associated Press*, October 12, 2011, <http://maritimesecurity.asia/free-2/south-chinasea-2/india-vietnam-sign-oil-exploration-agreement-ignoring-china%E2%80%99sobjections/>.
17. Sachin Parashar, “New Delhi tries to snap Beijing’s string of pearls,” *The Times of India*, October 20, 2011, http://articles.timesofindia.indiatimes.com/2011-10-20/india/30302032_1_nguyen-phu-trong-thein-sein-naypyidaw.

18. Seth Mydans, “U.S. and Vietnam Build Ties With an Eye on China,” *The New York Times*, October 12, 2010, <http://www.nytimes.com/2010/10/13/world/asia/13vietnam.html>.
19. Will Clem, “Patrol boats to escort fishing vessels in disputed Spratlys,” *South China Morning Post*, April 3, 2010, http://www.viet-studies.info/kinhte/patrol_boats_to_escort_fishing.htm.
20. “Unilateral fishing ban likely to fuel tension,” *South China Morning Post*, May 17, 2010.
21. Wang Qian, “Maritime Forces to be Beefed up Amid Disputes,” *China Daily*, June 17, 2011, http://www.chinadaily.com.cn/china/2011-06/17/content_12718632.htm.
22. “Navy arrests illegal Vietnamese fishing boats,” *Antaraneews.com*, February 12, 2011, <http://www.antaraneews.com/en/news/67994/navy-arrests-illegal-vietnamese-fishing-boats>.
23. “Ten Vietnamese fishing boats caught poaching in RI waters,” *Antaraneews.com*, April 23, 2010, <http://www.antaraneews.com/en/news/1272030822/ten-vietnamesefishing-boats-caught-poaching-in-ri-waters>.
24. Office of the Secretary of Defense, “Annual Report to Congress—Military Power of the People’s Republic of China 2008,” http://www.mcsstw.org/www/download/China_Military_Power_Report_2008.pdf.
25. Cui Xiaohuo & Peng Kuang, “Navy chief lists key objectives,” *China Daily*, April 16, 2009, http://www.chinadaily.com.cn/cndy/2009-04/16/content_7681478.htm; xem thêm “China planning huge navy upgrade,” *channelnewsasia.com*, April 16, 2009, http://www.channelnewsasia.com/stories/afp_asiapacific/view/422735/1/.html.
26. Kenji Minemura, “China’s 1st aircraft carrier sets sail for sea tests,” *Asahi Shimbun*, August 10, 2011, <http://ajw.asahi.com/article/asia/china/AJ201108105890>; và Sam LaGrone, “China reveals aircraft carrier ambitions,” *Jane’s Navy International*, December 23, 2010, http://www.janes.com/products/janes/defence-security-report.aspx?id_1065926372.
27. On China’s military capabilities, see Office of the Secretary of Defense, “Annual Report to Congress—Military and Security Developments Involving the People’s Republic of China 2010,” <http://www.globalsecurity.org/military/library/report/2010/2010-premilitary-power.pdf>.
28. Toshi Yoshihara và James R. Holmes, *Red Star over the Pacific: China’s Rise and the Challenge to U.S. Maritime Strategy* (Naval Institute Press, 2010), pp. 141-142.
29. See Thom Shanker and Mark Mazzetti, “China and U.S. Clash on Naval Fracas,” *The New York Times*, March 10, 2009, <http://www.nytimes.com/2009/03/11/world/asia/11military.html>.
30. “New attack sub docked at China’s navy base in Hainan Island,” *Mainichi News*, October 21, 2010, <http://www.china-defense-mashup.com/new-attack-sub-docked-at-chinas-navy-base-in-hainan-island.html>.

31. Mark McDonald, “U.S. navy provoked South China Sea incident, China says,” *The New York Times*, March 10, 2009, <http://www.nytimes.com/2009/03/10/world/asia/10iht-navy.4.20740316.html>.
32. Nong Hong and Wenran Jiang, “China’s Strategic Presence in the Southeast Asian Region,” trong *Maritime Capacity Building in the Asia Pacific Region*, ed. Andrew Forbes (Department of Defence, Australia, 2010), pp. 141-156.
33. Bernard D. Cole, *The Great Wall at Sea: China’s Navy in the Twenty-First Century* (Naval Institute Press, 2nd edition, 2010), pp. 174, 177; và Yu Wanli, “The American Factor in China’s Maritime Strategy,” trong *China, the United States, and 21st Century Sea Power*, eds. Andrew S. Erickson, Lyle J. Goldstein & Nan Li (Naval Institute Press, 2010), p. 483.
34. Cole, p. 178.
35. Peter Howarth, *China’s Rising Sea Power: the PLA Navy’s Submarine Challenge* (Frank Cass, 2006), p.175.
36. Xem Richard Fisher, Jr., “New Chinese Missiles Target the Greater Asian Region,” International Assessment and Strategy Center, July 24, 2007, http://www.strategycenter.net/research/pubID.165/pub_detail.asp; xem thêm Mark Stokes & Dan Blumenthal, “Why China’s missiles should be our focus,” *The Washington Post*, January 2, 2011, <http://www.washingtonpost.com/wp-dyn/content/article/2010/12/31/AR2010123102687.html>.
37. Xem Yoichi Kato, “China’s new missile capability raises tensions,” *Asahi.com*, January 27, 2011, <http://www.asahi.com/english/TKY201101260340.html>; Xem thêm “‘Carrier killer’ won’t stop US: admiral,” *Taipei Times*, February 16, 2011, <http://www.taipeitimes.com/News/front/archives/2011/02/16/2003496000>.
38. Office of the Secretary of Defense, “Annual Report to Congress—Military Power of the People’s Republic of China 2009,” http://www.defense.gov/pubs/pdfs/China_Military_Power_Report_2009.pdf.
39. Mark Landler and Sewell Chan, “Taking Harder Stance Toward China, Obama Lines Up Allies,” *The New York Times*, October 25, 2010, <http://www.nytimes.com/2010/10/26/world/asia/26china.html>.
40. John Pomfret, “Beijing claims ‘indisputable sovereignty’ over South China Sea,” *The Washington Post*, July 31, 2010, <http://moralagency.wordpress.com/2010/08/01/beijingclaims-indisputable-sovereignty-over-south-china-sea/>.
41. Xem Li Jinming and Li Dexia, “The Dotted Line on the Chinese Map of the South China Sea: A Note,” *Ocean Development & International Law* 34 (2003): pp. 287-295, http://community.middlebury.edu/_scs/docs/Li%20and%20Li-The%20Dotted%20Line%20on%20the%20Map.pdf.
42. Craig Whitlock, “U.S. to end ban on Indonesia’s special forces, angering human rights groups,” *The Washington Post*, July 23, 2010.

43. Daniel Ten Kate and Susan Li, “Indonesia Rejects China Stance that U.S. Stay Out of Local Waters Dispute,” *Bloomberg*, September 22, 2010, <http://www.bloomberg.com/news/2010-09-22/indonesia-rejects-china-stance-that-u-s-stay-out-of-local-watersdispute.html>.
44. Keith B. Richburg, William Wan, and William Branigin, “China warns U.S. in island dispute,” *The Washington Post*, June 23, 2011, http://www.washingtonpost.com/world/china-warns-us-in-island-dispute/2011/06/22/AGTiVxfH_story.html.
45. Hillary Clinton, “Remarks With Philippines Foreign Secretary Albert del Rosario After Their Meeting,” June 23 2011, <http://www.state.gov/secretary/rm/2011/06/166868.htm>.
46. Lachlan Carmichael & Shaun Tandon, “U.S. says it will provide hardware to Philippines,” *DefenseNews*, June 23, 2011, http://www.defensenews.com/story.php?i_6906530&c_POL&s_TOP.
47. “US to boost Philippine intelligence, DFA says,” *Agence France-Presse*, June 25, 2011, <http://globalnation.inquirer.net/4845/us-to-boost-philippine-intelligence-dfa-says>.
48. Các Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ cũng đã thăm Việt Nam - William Cohen vào tháng 3/2000, Donald Rumsfeld vào tháng 6/2006, và Robert Gates vào 2010. Ngoài ra, các Bộ trưởng Quốc phòng Việt Nam cũng đã sang thăm Washington — Phạm Văn Trà vào năm 2003 và Phùng Quang Thanh vào tháng 12/2009.
49. Margie Mason, “Former Enemies US, Vietnam Now Military Mates,” *Associated Press*, August 8, 2010, http://www.usatoday.com/news/topstories/2010-08-07-1453818316_x.htm.
50. “U.S., Vietnam Start Military Relationship,” *DefenseNews*, August 1, 2011, http://defensenews.com/story.php?i_7264252&c_AME&s_TOP.
51. Ben Packham, “2500 US Marines on Australian Soil to Increase Defence Ties,” *The Australian*, November 17, 2011, <http://www.theaustralian.com.au/national-affairs/obama-in-australia/us-president-touches-down-at-fairbairn-airforce-base/story-fnb0o39u-1226197111255>.
52. Xem Jackie Calmes, “Obama’s Trip Emphasizes Role of Pacific Rim,” *The New York Times*, November 18, 2011, http://www.nytimes.com/2011/11/19/world/asia/obamastrip-sends-message-to-asian-leaders.html?_r_1.
53. Dai Bingguo, “Embrace New Opportunities for China-ASEAN Cooperation,” January 22, 2010, <http://www.fmprc.gov.cn/eng/wjdt/zyjh/t653431.htm>.
54. Dai Bingguo, “China’s Peaceful Development Is Good for America,” *The Wall Street Journal*, May 10, 2011, <http://online.wsj.com/article/SB10001424052748703730804576312041320897666.html>.
55. “China, Vietnam agree to boost forward-looking bilateral relations,” *Xinhua*, September 6, 2011, http://news.xinhuanet.com/english2010/china/2011-09/06/c_131106560.htm.
56. “China vows to properly handle problems in relations with Vietnam,” *Xinhua*, October 11, 2011, http://news.xinhuanet.com/english2010/china/2011-10/11/c_131185528.htm.

57. “China and Vietnam to strengthen military ties: report,” *Reuters*, October 15, 2011,
<http://www.reuters.com/article/2011/10/15/us-china-vietnam-idUSTRE79E0IR20111015>.
58. “Vietnam Halts Anti-China Protests,” *BBC News*, August 18, 2011,
<http://www.bbc.co.uk/news/world-asia-pacific-14574075>.

GIỚI THIỆU DỰ ÁN NGHIENCUUQUOCTE.NET

Mục đích

Nghiencuuquocte.net là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quang đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đồng đạo độc giả quan tâm.

Sau khi dự án hoạt động ổn định, số lượng các bài dịch có chất lượng tăng lên, *Nghiencuuquocte.net* có thể tính tới việc hợp tác với các đối tác để biên soạn các tuyển tập bài dịch theo từng chủ đề nhất định và phát hành dưới dạng sách in hoặc ebook.

Quy trình biên dịch và xuất bản

Ban biên tập chịu trách nhiệm tuyển lựa (và xin phép các nhà xuất bản nếu cần) các bài viết để giao cho các cộng tác viên dịch. Các cộng tác viên cũng có thể chủ động đề xuất lên Ban Biên tập các bài viết mà mình muốn dịch. Sau khi có sự đồng ý của Ban Biên tập, cộng tác viên sẽ tiến hành biên dịch.

Các cộng tác viên hoặc các cá nhân khác nếu đã dịch sẵn một bài viết/ chương sách nào đó cũng có thể gửi đến Ban Biên tập (kèm bản gốc tiếng Anh) để xem xét. Nếu đề tài phù hợp và chất lượng đạt yêu cầu, bài viết có thể được hiệu đính và xuất bản.

Sau khi nhận được bản dịch, Ban Biên tập sẽ kiểm tra bước đầu chất lượng bài dịch. Nếu chất lượng không đạt (ví dụ sai quá nhiều, khó có thể hiệu đính, biên tập được một cách hiệu quả) thì bài dịch sẽ bị từ chối và trả lại người dịch. Trong trường hợp chất lượng thỏa đáng, bài dịch sẽ được chuyển tới các cộng tác viên phù hợp để kiểm định và hiệu đính. Sau khi hiệu đính, Tổng Biên tập sẽ kiểm tra lại lần cuối. Nếu đạt yêu cầu, bài dịch sẽ được xuất bản trên website dự án.

Tổng Biên tập là người quyết định cuối cùng về việc lựa chọn bài dịch, người dịch, người hiệu đính, cũng như việc chuyển hiệu đính và xuất bản các bài viết.

Xuất bản các bài dịch đã được công bố

Ban biên tập hoan nghênh các cộng tác viên đóng góp các bài dịch đã được hiệu đính và xuất bản ở các nơi khác. Trong trường hợp hợp đó, các cộng tác viên đảm bảo việc công bố các bài dịch đó trên *Nghiencuuquocte.net* đã được cho phép bởi các bên liên quan.

Yêu cầu đối với bản dịch

Để được xem xét xuất bản, bản dịch phải đảm ứng các yêu cầu sau:

- Dịch sát và đầy đủ bài viết nguyên gốc. Trong trường hợp vì lý do đặc biệt mà cộng tác viên muốn bỏ một phần nào đó của bài viết gốc thì phải thông báo và được sự đồng ý của Ban Biên tập.
- Ngôn ngữ tiếng Việt trong sáng, dễ hiểu. Hạn chế tối đa lỗi chính tả.
- Trong trường hợp có các thuật ngữ, đoạn văn người dịch cảm thấy khó hiểu hoặc dịch chưa chuẩn, người dịch cần đánh dấu (highlight) các thuật ngữ, đoạn văn đó để tiện cho việc hiệu đính biên tập.

- Giữ toàn bộ nguồn tài liệu tham khảo như trong bản gốc (footnote, endnote, bibliography). Các footnote, endnote có chứa thông tin bổ sung cần được dịch. Tuy nhiên, để tiện cho việc truy nguồn tài liệu tham khảo của người đọc, người dịch giữ nguyên tiếng Anh (không dịch sang tiếng Việt) các nguồn tài liệu tham khảo của bài viết gốc.
- Bài dịch phải được đánh máy bằng font chữ Unicode, cỡ 12 pt, cách dòng 1,5, file MSWord 2003, 2007, 2010 (không gửi bản pdf).
- Bài dịch phải sử dụng Bìa bài dịch theo mẫu thống nhất. Download template bìa bài dịch tại đây: [Template Bìa bài dịch](#)
- Tên file: Tên người dịch + Tên bài viết gốc bằng tiếng Anh.
- Bài dịch sau khi hoàn thành gửi về địa chỉ: nghiencuuquocte@gmail.com.

Thời hạn hoàn thành bản dịch

Vì đây là một dự án dựa trên sự đóng góp tự nguyện, Ban Biên tập không yêu cầu thời hạn cụ thể đối với việc hoàn thành các bản dịch. Tuy nhiên, Ban Biên tập hi vọng sẽ nhận được bản dịch trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày bản gốc được gửi cho người dịch. Thông thường các bản bài gốc tiếng Anh sẽ có độ dài từ 20-35 trang (bao gồm endnote, footnote, bibliography).

Cộng tác với *Ngheencuuquocte.net*

Do đây là một dự án phi lợi nhuận mới ở giai đoạn đầu và chưa có tài trợ nên chúng tôi kêu gọi sự tham gia tình nguyện của các cộng tác viên ở cả hai công đoạn biên dịch và hiệu đính. Nếu bạn quan tâm và muốn trở thành cộng tác viên của dự án, vui lòng điền vào mẫu đơn đăng ký tại: <http://ngheencuuquocte.net/dang-ky-cong-tac/>

Các cộng tác viên đăng ký, tùy vào quyết định của Ban Biên tập, có thể sẽ được đưa vào danh sách cộng tác viên luôn hoặc sẽ được gửi một đoạn trích từ một bài báo/chương sách (khoảng 1-2 trang) để dịch thử. Nếu đạt yêu cầu, chúng tôi sẽ đưa các bạn vào danh sách cộng tác viên và sẽ gửi bài cho các bạn biên dịch/ hiệu đính khi có bài phù hợp với chuyên môn của bạn hoặc theo đăng ký chủ động của bạn. Lưu ý: Việc bạn được gửi bài để dịch cũng như việc bạn nộp bài đã dịch không đảm bảo chắc chắn bài dịch của bạn sẽ được hiệu đính, biên tập và xuất bản.

Lợi ích của việc trở thành cộng tác viên của *Ngheencuuquocte.net*:

- Rèn luyện và nâng cao khả năng tiếng Anh, nhất là kỹ năng dịch thuật;
- Mở rộng hiểu biết về các lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng học tập và nghiên cứu quốc tế tại Việt Nam;
- Được cấp giấy chứng nhận cộng tác viên (có thể đưa vào hồ sơ xin học bổng, xin việc làm) nếu đóng góp từ 2 bài dịch trở lên.
- Được nhận thù lao trong trường hợp dự án xin được tài trợ hoạt động hoặc bài dịch được sử dụng trong các ấn phẩm phát hành có thu phí.

Bản quyền bài dịch

Bản quyền đối với bản dịch được xuất bản cùng được chia sẻ bởi người dịch, người hiệu đính (nếu phải hiệu đính) và trang *Ngheencuuquocte.net*. Trong trường hợp bản dịch phát sinh doanh thu (ví dụ được đưa vào các giáo trình, tập bài đọc, hoặc các ấn phẩm khác được phát hành có thu phí như sách in hoặc ebook), thì sau khi trừ các chi phí biên soạn, in ấn, phát hành, lợi nhuận thu được sẽ được chia theo tỉ lệ: Người dịch: 40% (hoặc 75% nếu không phải hiệu đính); Người hiệu đính: 35%, trang *Ngheencuuquocte.net*: 25%.

Trang *Ngheencuuquocte.net* chịu mọi phí tổn trong trường hợp phải trả phí cho nhà xuất bản để bài viết được phép dịch sang tiếng Việt.

Đăng tải, phát hành lại bài dịch từ *ngheencuuquocte.net*

Việc đăng tải lại trên các trang mạng các bài dịch đã công bố trên website dự án phải ghi rõ nguồn và dẫn link tới bài viết gốc trên *ngheencuuquocte.net*.

Trong trường hợp in ấn hoặc sử dụng các bài viết cho mục đích thương mại, các bên liên quan phải nhận được sự cho phép bằng văn bản của Ban Biên tập *ngheencuuquocte.net*.

Dù nỗ lực tối đa trong nguồn lực cho phép để đảm bảo chất lượng của các bài dịch, *ngheencuuquocte.net* không chịu trách nhiệm về độ tin cậy, chính xác của các bài dịch cũng như những hậu quả có thể phát sinh từ việc trích dẫn, sử dụng lại nội dung của các bài dịch đó dưới bất kỳ hình thức nào.

Miễn trừ trách nhiệm

Trong khi trân trọng sự đóng góp của các cộng tác viên, *Ngheencuuquocte.net* và Ban Biên tập không thể chịu bất cứ trách nhiệm nào đối với các tổn thất, thiệt hại về vật chất, tinh thần, thời gian, sức khỏe... có thể xảy ra đối với các cộng tác viên trong quá trình tiến hành cộng tác với dự án.

Liên lạc

Mọi trao đổi xin vui lòng gửi tới: Lê Hồng Hiệp Email: ngheencuuquocte@gmail.com.